

146. KINH GIÁO GIỚI NANDAKA (*Nandakovāda Sutta*)¹

398. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Mahāpajāpatī Gotamī cùng với khoảng năm trăm Tỷ-kheo-ni đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới cho Tỷ-kheo-ni! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giảng dạy cho Tỷ-kheo-ni! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni!

Lúc bấy giờ, các Thượng tọa (Trưởng lão) Tỷ-kheo thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Nhưng Tôn giả Nandaka² không muốn thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni.³ Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Ānanda và nói:

– Này Ānanda, hôm nay đến phiên ai giáo giới Tỷ-kheo-ni?

– Bạch Thế Tôn, chính là phiên của Nandaka theo phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nandaka không muốn thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni.

Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Nandaka:

– Này Nandaka, hãy giáo giới Tỷ-kheo-ni! Này Nandaka, hãy giảng dạy Tỷ-kheo-ni! Này Bà-la-môn,⁴ hãy thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Nandaka ấy vâng đáp Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvattthi để khát thực. Sau khi khát thực ở Sāvattthi xong, sau buổi ăn, trên con đường trở về, không có người thứ hai cùng đi, đi đến Rājakārāma (Vương Tự).⁵ Các Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Nandaka từ xa đi đến, sau khi thấy, liền

¹ Xem Kvu. 485. Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.276. 0073c09); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tap sự* 根本說一切有部毘奈耶雜事 (T.23. 1442.30. 0792a17).

² A. I. 25 viết rằng Tôn giả là vị đặc biệt thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni. Các bài kệ của vị Tôn giả này được chép ở *Thag.* 279-82.

³ Vì trong một kiếp trước, Tôn giả là một vị vua còn các Tỷ-kheo-ni là cung thiếp, nên sợ những vị nào có Túc mạng mình biết được và chỉ trích Tôn giả là muốn gặp các thiếp cũ của mình.

⁴ Một danh từ tôn kính.

⁵ Rājakārāma, do Vua Pasenadi dựng lên phía Nam thành phố, tương ứng với Thūpārāma (ở Anurādhapura). Xem *MA.* V. 96; *J.* II. 15; *DPPN*.

sửa soạn chỗ ngồi và sắp đặt nước rửa chân. Tôn giả Nandaka ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn, sau khi ngồi, liền rửa chân. Các Tỷ-kheo-ni ấy, sau khi đánh lễ Tôn giả Nandaka, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Nandaka nói với các Tỷ-kheo-ni đang ngồi một bên:

– Các Hiền tỷ, sẽ có cuộc luận thuyết bằng cách đặt câu hỏi. Ở đây, những ai biết, hãy trả lời: “Tôi biết.” Những ai không biết, hãy trả lời: “Tôi không biết.” Nếu có ai nghi ngờ hay nghi hoặc, ở đây, ta cần được hỏi như sau: “Thưa Tôn giả, sự việc này là thế nào? Ý nghĩa việc này là gì?”

– Thưa Tôn giả, cho đến đây, chúng con rất hoan hỷ và thỏa mãn với Tôn giả Nandaka, vì rằng Tôn giả đã mời chúng con [hỏi].

399. – Các Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Mắt là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi xem cái ấy: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Các Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Tai là thường hay vô thường?... Mũi là thường hay vô thường?... Lưỡi là thường hay vô thường?... Thân là thường hay vô thường?... Ý là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ rằng: “Sáu nội xứ này là vô thường.”

– Lành thay, lành thay, các Hiền tỷ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

400. Chư Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Chư Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào? Tiếng là thường hay vô thường?... Hương là thường hay vô thường?... Vị là thường hay vô thường?... Xúc là thường hay vô thường?... Pháp là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ rằng: “Sáu ngoại xứ này là vô thường.”

– Lành thay, lành thay, các Hiền tử! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

401. Chư Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào? Nhãn thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Nay các Hiền tử, nhĩ thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Tỷ thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Thân thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Ý thức là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ rằng: “Sáu thức thân này là vô thường.”

– Lành thay, lành thay, chư Hiền tỳ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

402. Ví như, chư Hiền tỳ, một ngọn đèn dầu được đốt cháy. Dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bắc là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại; ánh sáng là vô thường, chịu sự biến hoại. Chư Hiền tỳ, nếu có ai nói rằng: “Ngọn đèn dầu này được đốt cháy. Dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bắc là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại; nhưng ánh sáng ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại”; chư Hiền tỳ, nói như vậy là có nói chơn chánh không?

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, ngọn đèn dầu này được đốt cháy. Dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bắc cũng là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa cũng là vô thường, chịu sự biến hoại. Còn nói gì đến ánh sáng, cũng là vô thường, chịu sự biến hoại!

– Như vậy là phải, này các Hiền tỳ! Nếu có ai nói như sau: “Sáu ngoại xứ này là vô thường, và do duyên sáu ngoại xứ này, tôi có cảm thọ như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại”; này các Hiền tỳ, người ấy có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, do duyên cái này, cái này cảm thọ như thế này, như thế này khởi lên. Do diệt các duyên như thế này, các cảm thọ như thế này, như thế này cũng biến diệt.

– Lành thay, lành thay, các Hiền tỳ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

403. Ví như, này các Hiền tỳ, có cây to lớn đứng thẳng, có lõi cây, với rễ vô thường, chịu sự biến hoại; với thân cây vô thường, chịu sự biến hoại; với cành lá vô thường, chịu sự biến hoại; với bóng cây vô thường, chịu sự biến hoại. Nếu có người nói như sau: “Có cây to lớn đứng thẳng có lõi cây này, với rễ vô thường, chịu sự biến hoại; với thân cây vô thường, chịu sự biến hoại; với cành lá vô thường, chịu sự biến hoại; nhưng bóng mát của cây ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại”; này các Hiền tỳ, người ấy có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, cây to lớn đứng thẳng có lõi cây này, có rễ vô thường, chịu sự biến hoại; có thân cây vô thường, chịu sự biến hoại; có cành lá vô thường, chịu sự biến hoại; còn nói gì đến bóng mát, cũng là vô thường, chịu sự biến hoại!

– Như vậy là phải, này chư Hiền tỳ! Nếu có ai nói như sau: “Sáu ngoại xứ này là vô thường, và do duyên sáu ngoại xứ này, tôi cảm thọ như lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại”; này các Hiền tỳ, người ấy có nói chơn chánh không?

– Thừa không, thừa Tôn giả. Vì sao vậy? Thừa Tôn giả, do duyên cái này, cái này cảm thọ như thế này, như thế này khởi lên. Do diệt các duyên như thế này, các cảm thọ như thế này, như thế này cũng biến diệt.

– Lành thay, lành thay, chư Hiền tử! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

404. Ví như, này các Hiền tử, một người đồ tể giết bò thiện xảo hay người đệ tử, sau khi giết con bò, cắt con bò với con dao sắc bén của người đồ tể giết bò, mà không hư hại phần thịt ở trong, không hư hại phần da ngoài; rồi với con dao sắc bén của người đồ tể giết bò, cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiết mọi dây thịt phía trong, dây gân phía trong, dây khớp xương phía trong; sau khi cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiết và sau khi lột da ngoài, lại bao trùm con bò ấy với chính da bò ấy rồi nói: “Con bò này đã được dính liền với da này như trước”; này các Hiền tử, nói như vậy có nói một cách chơn chánh không?

– Thừa không, thừa Tôn giả. Vì sao vậy? Dầu cho, thừa Tôn giả, người đồ tể giết bò thiện xảo ấy hay người đệ tử sau khi giết con bò... (như trên)... lại bao trùm con bò ấy với chính da bò ấy lại có thể nói như sau: “Con bò này đã được dính liền với da này như trước”, dầu con bò này đã bị lột ra khỏi da ấy.

– Ta làm ví dụ này, này các Hiền tử, là để nêu rõ ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa này như sau: “Chư Hiền tử, thịt ở trong là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Chư Hiền tử, da ở ngoài là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Chư Hiền tử, dây thịt phía trong, dây gân phía trong, dây khớp xương phía trong là đồng nghĩa với dục hỷ và tham. Chư Hiền tử, con dao đồ tể giết bò sắc bén là đồng nghĩa với Thánh trí tuệ. Với Thánh trí tuệ này, cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiết nội phiền não, nội kiết sử, nội triền phược.

405. Chư Hiền tử, có Bảy giác chi,⁶ do tu tập, làm cho sung mãn Bảy giác chi này, vị Tỷ-kheo với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình chứng tri ngay trong hiện tại với thượng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thế nào là bảy? Ở đây, chư Hiền tử, Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập Trạch pháp giác chi... tu tập Tinh tấn giác chi... tu tập Hỷ giác chi... tu tập Khinh an giác chi... tu tập Định giác chi... tu tập Xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chư Hiền tử, Bảy giác chi này, do tu tập, làm cho sung mãn, Tỷ-kheo với sự đoạn tận các lậu hoặc, sau khi tự mình chứng tri ngay trong hiện tại với thượng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

406. Rồi Tôn giả Nandaka sau khi giáo giới các Tỷ-kheo-ni ấy với lời giáo giới, liền cho giải tán:

– Chư Hiền tử, hãy đi về, giờ đã đến rồi.

⁶ M. III. 88; MA. V. 96-97 cho rằng chỉ có sự thông thái mà không có Bảy giác chi thì không thể đoạn trừ phiền não.

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Nandaka dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Nandaka, thân phía hữu hướng về Tôn giả rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang đứng một bên:

– Này các Tỷ-kheo-ni, hãy đi, giờ đã đến rồi.

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy, sau khi đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi các Tỷ-kheo-ni ấy ra đi không bao lâu, gọi các vị Tỷ-kheo và nói:

– Này các Tỷ-kheo, ví như vào ngày Bô-tát, ngày mười bốn, quần chúng không có nghi ngờ hay nghi hoặc rằng mặt trăng là không tròn hay mặt trăng là tròn vì khi ấy mặt trăng chưa tròn, cũng vậy, này các Tỷ-kheo, dầu cho các Tỷ-kheo-ni ấy hoan hỷ với bài thuyết pháp của Nandaka, nhưng tâm trí của họ chưa được thỏa mãn.

407. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Nandaka:

– Vậy này Nandaka, ngày mai, ông sẽ giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni ấy với bài giáo giới.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Nandaka vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Nandaka, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvattthi (Xá-vệ) để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Sāvattthi xong, sau buổi ăn, trên con đường trở về, tự thân một mình đi đến Rājakārāma. Các vị Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Nandaka từ xa đi lại, sau khi thấy, liền sửa soạn chỗ ngồi và sắp đặt nước rửa chân. Tôn giả Nandaka ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, sau khi ngồi, liền rửa chân. Các vị Tỷ-kheo-ni ấy đánh lễ Tôn giả Nandaka rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Nandaka nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang ngồi một bên:

– Các Hiền tỷ, sẽ có cuộc luận thuyết bằng cách đặt câu hỏi. Ở đây, những ai biết, hãy trả lời: “Tôi biết.” Những ai không biết, hãy trả lời: “Tôi không biết.” Nếu ai có nghi ngờ hay do dự, ở đây, ta cần được hỏi như sau: “Thưa Tôn giả, sự việc này là thế nào? Ý nghĩa việc này là gì?”

– Thưa Tôn giả, cho đến đây, chúng con rất hoan hỷ và thỏa mãn với Tôn giả Nandaka, vì rằng Tôn giả đã mời chúng con [hỏi].

408-414. – Chư Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào? Mất là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Những gì vô thường... (như trên).

415. Rồi Tôn giả Nandaka sau khi giáo giới các Tỷ-kheo-ni ấy với lời giáo giới, liền cho giải tán:

– Hãy đi, này các Tỷ-kheo-ni, giờ đã đến rồi!

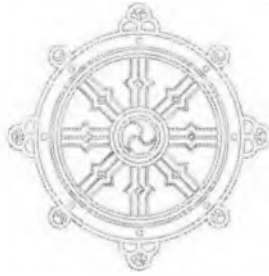
Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Nandaka dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Nandaka, thân phía hữu hướng về Tôn giả rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang đứng một bên:

– Này các Tỷ-kheo-ni, hãy đi, giờ đã đến rồi.

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy, sau khi đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi các Tỷ-kheo-ni ấy ra đi không bao lâu, gọi các Tỷ-kheo và nói:

– Này các Tỷ-kheo, ví như vào ngày Bô-tát, ngày rằm, quần chúng không có nghi ngờ hay phân vân rằng: Mặt trăng là không tròn hay mặt trăng là tròn, vì khi ấy mặt trăng đã tròn, cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni ấy hoan hỷ với bài thuyết pháp của Tôn giả Nandaka, và tâm tư của họ được thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, trong năm trăm Tỷ-kheo-ni ấy, Tỷ-kheo-ni cuối cùng⁷ chứng được Dự lưu, không còn bị đọa lạc và chắc chắn đạt đến Chánh giác.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



⁷ Vị cuối cùng chứng quả Dự lưu, còn các vị khác chứng quả Nhất lai, Bất lai và A-la-hán. Xem MA. V. 97.

